TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÙ MỸ** TỈNH BÌNH ĐỊNH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2020/HS-ST
Ngày 24-7/2020.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ MỸ, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Bá Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Lộc;

2. Ông Trần Tùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Dư là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Đinh Quốc Vương - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 26/2020/TLST-HS ngày 23 tháng 6 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1017/2020/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 7 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Tấn T, sinh năm: 1997, tại MCT, PM, BĐ; nơi cư trú: Thôn AL, xã MC, huyện PM, tỉnh BĐ; nghề nghiệp: Thợ dán keo xe; trình độ văn hoá (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Công A và bà Trần Thị T1; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam ngày 30/3/2020; bị cáo hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định, có mặt.

- *Bị hại*:

+ Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm: 1964; nơi cư trú: thôn TB, xã MCT, huyện PM, tỉnh BĐ – có mặt;

+ Ông Tăng Thành N, sinh năm: 1966 và bà Trần Thị S, sinh năm: 1971; nơi cư trú: thôn TT, xã MCT, huyện PM, tỉnh BĐ – có mặt;

+ Ông Huỳnh Quang C, sinh năm: 1953 và bà Nguyễn Thị D, sinh năm: 1954; nơi cư trú: thôn TH, xã MCT, huyện PM, tỉnh BĐ – có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Nguyễn Ngọc T3, sinh năm: 1977; nơi cư trú: thôn TA, xã MC, huyện PM, tỉnh BĐ – vắng mặt;

+ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1982; nơi cư trú: thôn AH, xã MC, huyện PM, tỉnh BĐ – vắng mặt;

+ Anh Ngô Quang T4, sinh ngày 20/5/2002; nơi cư trú: thôn AX, xã MC, huyện PM, tỉnh BĐ – có mặt;

Đại diện hợp pháp của Ngô Quang T4: Ông Ngô Văn T5, sinh năm: 1973 và bà Đặng Thị H1, sinh năn: 1975; nơi cư trú: thôn AX, xã MC, huyện PM, tỉnh BĐ – có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do nợ nần bên ngoài xã hội nhiều và muốn có tiền tiêu xài, nên Nguyễn Tấn T nảy sinh ý định đột nhập vào các nhà dân không có người trông coi, tìm tài sản để lấy trộm. Từ tháng 7/2019 đến tháng 10/2019, Nguyễn Tấn T đã 03 lần lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác. Cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng 15 giờ 00 phút ngày 23/7/2019, Nguyễn Tấn T điều khiển xe mô tô biển số kiểm soát 81T4-3824 về nhà ông bà nội ở thôn TB, xã MCT, huyện PM, thấy nhà bà Nguyễn Thị T2 (ở gần nhà nội của T) không có người trông coi, T nảy sinh ý định lấy trộm tài sản của nhà bà T2. T giấu xe mô tô biển số kiểm soát 81T4-3824 gần nhà bà T2, đi theo hướng hàng rào phía sau để vào nhà, rồi dùng đoạn cây sắt phá khóa cửa sau đột nhập vào trong nhà bà T2 lấy trộm chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ đen, biển số kiểm soát 77D1-205.72 và giấy tờ xe đem đi cất giấu gần chùa AH, xã MC, sau đó T đi bộ về lấy xe mô tô biển số 81T4-3824 để đi về nhà. Khoảng 18 giờ cùng ngày, T mang xe vừa trộm được đến tiệm cầm đồ "TT" do Nguyễn Ngọc T3 làm chủ, chị Nguyễn Thị H (em ruột của Nguyễn Ngọc T3) quản lý, cầm cố được số tiền 9.000.000 đồng, sử dụng tiêu xài cá nhân. Đến tháng 12/2019, chị H2 gọi điện yêu cầu T chuộc lại xe nhưng T không có tiền để chuộc xe. Trong thời gian này, Ngô Quang T4 cần mua xe cũ để đi lại nên nhờ T tìm mua xe giúp, T nói dối với T4 là xe của người quen nhờ cầm cố rồi dẫn T4 đến chuộc xe ra với số tiền là 11.000.000 đồng giao cho T4 sử dụng. Sau đó, T4 thay đổi một số kết cấu của xe để sử dụng đi lại. Đến tháng 02/2020, T4 cần tiền để đi Thành phố Hồ Chí Minh tìm việc làm, nên nhờ T bán giúp xe mô tô biển số kiểm soát 77D1-205.72 thì T dẫn T4 đến tiệm cầm đồ "TT" cầm cố số tiền 11.000.000 đồng, T là người trực tiếp giao dịch với chủ tiệm cầm đồ, lấy tiền xong T đưa cho T4 để đi Thành phố Hồ Chí Minh.

Vụ thứ hai: Khoảng 15 giờ 00 phút ngày 09/10/2019, Nguyễn Tấn T đi ngang qua nhà ông Tăng Thành N thấy nhà không có người nên dùng cục đá đập bể khóa cữa sau đột nhập vào bên trong nhà lục lấy trộm số tiền 30.000 đồng; 01

điện thoại di động hiệu ViVo V1; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision màu trắng đen, biển số kiểm soát 77D1-540.47 và cùng giấy tờ xe mang tên Tăng Thành N. Sau khi lấy trộm được xe, T mang lên gửi ở bãi giữ xe ở Trung tâm y tế huyện PM. Khoảng 01 tháng sau, T mang xe đến tiệm cầm đồ "TT" cầm cố được số tiền 20.000.000 đồng sử dụng, tiêu xài cá nhân. Đến gần tết Nguyên đáng năm 2020, T chuộc xe về thay đổi màu xe và một số kết cấu của xe để sử dụng đi lại được một thời gian thì tiếp tục đến tiệm cầm đồ "TT" cầm cố được số tiền 22.000.000 đồng, để tiêu xài cá nhân.

Vụ thứ ba: Biết nhà ông Huỳnh Quang C không có người trông coi, nên khoảng 10 giờ 00 phút ngày 11/10/2019, T điều khiển xe mô tô biển số kiểm soát 77D1-012.30 đến nhà ông C, đi theo lối sau nhà, đột nhập vào nhà bằng cách trèo lên vách tường có đoạn xây hở với mái nhà ở lối vào cửa sau. Sau khi đột nhập được vào trong nhà, T dùng cây xà beng có sẵn trong nhà cạy phá cửa phòng ngủ, vào bên trong lục tìm quanh khu vực giường ngủ thì thấy một chùm chìa khóa, T dùng chìa khóa mở cửa tủ bằng gỗ, lục lạo lấy trộm số tài sản gồm 2.300.000 đồng trong túi áo vest, 04 cọc tiền để trong ngăn tủ (trong đó có 02 cọc tiền mỗi cọc 20.000.000 đồng và 02 cọc tiền mỗi cọc 10.000.000 đồng), 01 dây chuyền màu vàng 24k trọng lượng 05 chỉ, 01 lách đeo tay vàng 24k trọng lượng 05 chỉ, 01 chiếc nhẫn tango vàng 18k trọng lượng 01 chỉ, 07 chiếc nhẫn vàng 24k, trọng lượng mỗi chiếc 02 chỉ, 01 chiếc nhẫn vàng 24k trọng lượng 01 chỉ. Sau khi lấy được tài sản, T mang số vàng trộm được cất giấu tại bụi cây gần chùa AH, xã MC; còn số tiền trộm được T sử dụng, tiêu xài cá nhân. Khoảng 10 ngày sau, T đến nơi cất giấu vàng để đem về bán lấy tiền, nhưng không tìm thấy số vàng.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 07/KL-HĐĐG ngày 22/4/2020 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện PM kết luật: Xe mô tô biển số kiểm soát 77D1-205.72 của bà Nguyễn Thị T2 có giá trị 10.250.000 đồng;

Tại Kết luận định giá tài sản số: 07/KL-HĐĐG ngày 22/4/2020 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện PM kết luật: Xe mô tô biển số kiểm soát 77D1-540.47 của ông Tăng Thành N có giá trị 16.000.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu ViVo V1 có giá trị 600.000 đồng. Tổng giá trị tài sản mà Nguyễn Tấn T đã chiếm đoạt của gia đình ông Tăng Thành N là 16.630.000 đồng;

Tại Kết luận định giá tài sản số: 10/KL-HĐĐG ngày 15/5/2020 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện PM kết luận: 01 sợi dây chuyền bằng vàng có trọng lượng 05 chỉ, vàng 24k, kiểu vàng mắc xích, có gắn mặt hình trái tim bằng đá ngọc màu xanh, có giá trị là 19.750.000 đồng; 01 cái lách đeo tay nữ bằng vàng có trọng lượng 05 chỉ, vàng 24k, có giá trị là 19.750.000 đồng; 01 cái nhẫn bằng vàng có trọng lượng 01 chỉ, vàng 18k, kiểu nhẫn Tân Gô nam, không có gắn hột, có giá 2.625.000 đồng; 07 chiếc nhẫn bằng vàng loại tròn trơn có trọng lượng mỗi chiếc là 02 chỉ, vàng 24k (14 chỉ), có tổng giá trị là 55.300.000 đồng; 01 chiếc nhẫn bằng vàng loại tròn trơn có trọng lượng 01 chỉ, vàng 24k, có giá trị là 3.950.000 đồng. Tổng giá trị tài sản mà Nguyễn Tấn Tđã

chiếm đoạt của gia đình ông Huỳnh Quang C là 163.675.000 đồng;

Như vậy, tổng giá trị tài sản mà Nguyễn Tấn T đã 03 lần chiếm đoạt của các bị hại Nguyễn Thị T2, vợ chồng ông Tăng Thành N, vợ chồng ông Huỳnh Quang C là 190.555.000 đồng.

Về dân sự: Các bị hại bà Nguyễn Thị T2, vợ chồng ông Tăng Thành N và bà Trần Thị S đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường thêm. Vợ chồng bị hại ông Huỳnh Quang C và bà Nguyễn Thị D yêu cầu Nguyễn Tấn T bồi thường toàn bộ giá trị tài sản đã bị chiếm đoạt. Ông Nguyễn Ngọc T3 yêu cầu Nguyễn Tấn T bồi thường số tiền 47.000.000 đồng. Nguyễn Tấn T và Ngô Quang T4 không yêu cầu gì đối với các phụ tùng các xe mô tô đã thay thế.

Vật chứng tạm giữ:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đỏ đen, biển số kiểm soát 77D1-205.72 và đăng ký xe; 01 cản sau bằng kim loại xe Sirius; 01 chân đạp bằng kim loại xe Sirius; 02 cái nhún giảm xốc sau của xe Sirius; 01 ống bô của xe Sirius. Ngày 07/5/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại tài sản trên cho chủ sở hữu xong.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision màu trắng đen, biển số kiểm soát 77D1-540.47 và đăng ký xe; 01 chóa đèn chính xe Vision; 01 nhún giảm xốc xe Vision; 01 ốp lọc gió xe Vision; 02 tay nắm cao su xe Vision; 01 cặp lớp mâm đúc xe Vision; 01 điện thoại di động hiệu ViVo V1. Ngày 07/5/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại tài sản trên cho chủ sở hữu xong.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đen biển số kiểm soát 77D1-012.30, số máy C64-480544, số khung BY-480577 và đăng ký xe mang tên Võ Văn N; 01 cây xà beng bằng sắt thân tròn, phi 18, có các đường gân sóng nổi trên thân, dài 70cm, một đầu dẹp, một đầu uống cong, có rãnh ở đầu uống cong.

Đối với 01 đoạn cây sắt, 01 cục đá Nguyễn Tấn T dùng để phá khóa cửa nhà các bị hại Nguyễn Thị T2, Tăng Thành N và số vàng gồm 01 dây chuyền vàng 24k trọng lượng 05 chỉ, 01 lách đeo tay vàng 24k trọng lượng 05 chỉ, 01 chiếc nhẫn tango vàng 18k trọng lượng 01 chỉ, 07 chiếc nhẫn vàng 24k, trọng lượng mỗi chiếc 02 chỉ, 01 chiếc nhẫn vàng 24k trọng lượng 01 chỉ. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện PM đã tổ chức truy tìm nhưng không thu hồi được.

Tại bản cáo trạng số: 26/CT-VKSPM ngày 23/6/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định đã truy tố Nguyễn Tấn T ra trước Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định để xét xử về tội Trộm cắp tài sản theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định giữ nguyên quyết định truy tố, nêu bản luận tội và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51;

điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn T từ 36 tháng đến 42 tháng tù.

- Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại:

Buộc bị cáo Nguyễn Tấn T phải bồi thường cho vợ chồng ông Huỳnh Quang C và bà Nguyễn Thị D 25 *(hai mươi lăm)* chỉ vàng 24k, 01 *(một)* chỉ vàng 18k và số tiền 62.300.000 đồng (*sáu mươi hai triệu ba trăm nghìn đồng chẵn)*.

Buộc bị cáo Nguyễn Tấn T phải bồi thường cho ông Nguyễn Ngọc T số tiền 47.000.000 đồng (*bốn mươi bảy triệu đồng chẵn)*.

- Về xử lý vật chứng:

+ Tiếp tục tạm giữ 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đen biển số kiểm soát 77D1-012.30, số máy C64-480544, số khung BY-480577 và đăng ký xe để đảm bảo công tác thi hành án dân sự;

+ Tịch thu, tiêu hủy: 01 cây xà beng bằng sắt thân tròn, phi 18, có các đường gân sóng nổi trên thân, dài 70cm, một đầu dẹp, một đầu uống cong, có rãnh ở đầu uống cong.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Tấn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên; bị cáo không có tác động để cha mẹ bồi thường thiệt hại xe mô tô cho ông N; không có ý kiến tranh luận với Kiểm sát viên và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt;

Bị hại bà Nguyễn Thị T2 xác định tài sản bị mất trộm vào ngày 23/7/2019 là chiếc xe mô tô biển số kiểm soát 77D1-250.72, ngoài ra không mất trộm tài sản nào khác. Bà T2 xác nhận đã nhận lại xe mô tô xong. Không có yêu cầu bồi thường thêm, không có ý kiến tranh luận và đề nghị xử phạt bị cáo theo quy định của pháp luật.

Bị hại vợ chồng ông Tăng Thành N, bà Trần Thị S xác định tài sản bị mất trộm vào ngày 09/10/2019 gồm: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision màu trắng đen, biển số kiểm soát 77D1-540.47; 01 điện thoại di động hiệu ViVo V1 và số tiền 30.000 đồng. Số tài sản Công an huyện PM đã trả lại xong. Sau khi nhận lại xe mô tô thì cha mẹ của bị cáo T đã trả số tiền 4.000.000 đồng cho ông N sửa chữa xe và không có yêu cầu bồi thường thêm. Không có ý kiến tranh luận của kiểm sát viên và đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị hại vợ chồng ông Huỳnh Quang C, bà Nguyễn Thị D xác định tài sản bị mất trộm vào ngày 11/10/2019 gồm: tiền mặt là 62.300.000 đồng; 01 dây chuyền màu vàng 24k trọng lượng 05 chỉ, 01 lách đeo tay vàng 24k trọng lượng 05 chỉ, 01 chiếc nhẫn tango vàng 18k trọng lượng 01 chỉ, 07 chiếc nhẫn vàng 24k, trọng lượng mỗi chiếc 02 chỉ, 01 chiếc nhẫn vàng 24k trọng lượng 01 chỉ. Ông C, bà D yêu cầu bị cáo T trả lại 25 chỉ vàng 24k, 01 chỉ vàng 18k và 62.300.000 đồng. Không có ý kiến tranh luận và đề nghị xử phạt bị cáo theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Ngô Quang T4 xác định: Do cần mua xe cũ để đi lại nên nhờ Nguyễn Tấn T tìm mua xe giúp. Khoảng tháng 12/2019, thông qua bị cáo T, nên T4 mua xe mô tô biển số kiểm soát 77D1-205.72 với số tiền là 11.000.000 đồng của tiệm cầm đồ "TT". Đến tháng 02/2020, anh T4 cần tiền để đi Thành phố Hồ Chí Minh tìm việc làm nên nhờ bị cáo T bán giúp xe mô tô biển số kiểm soát 77D1-205.72 và bị cáo T bán được số tiền 11.000.000 đồng và đưa cho anh T4. Anh T4 xác định khi mua bán xe mô tô này không biết đây là xe do bị cáo T trộm cắp mà có và không có yêu cầu bồi thường các phụ tùng xe đã thay thế

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện PM, Điều tra viên, Cán bộ điều tra; Viện kiểm sát nhân dân huyện PM, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, các bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Xét lời khai của bị cáo Nguyễn Tấn T tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thu thập theo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Từ tháng 7/2019 đến tháng 10/2019, lợi dụng sơ hở của người dân trong việc quản lý tài sản, bị cáo Nguyễn Tấn T đã 03 lần lén lút lấy trộm tài sản của các bị hại, cụ thể:

Khoảng 15 giờ 00 phút ngày 23/7/2019, tại nhà bà Nguyễn Thị T2 ở thôn TB, xã MCT, huyện PM, tỉnh BĐ, bị cáo Nguyễn Tấn T đã thực hiện hành vi trộm cắp của bà Nguyễn Thị T2 01 xe mô tô biển số kiểm soát 77D1-205.72 và giấy tờ xe, có giá trị 10.250.000 đồng.

Khoảng 15 giờ 00 phút ngày 09/10/2019, tại nhà ông Tăng Thành N ở thôn TT, xã MCT, huyện PM, tỉnh BĐ, bị cáo Nguyễn Tấn T đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của vợ chồng ông Tăng Thành N gồm: số tiền 30.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu ViVo V1, 01 chiếc xe mô tô biển số kiểm soát 77D1-540.47 và cùng giấy tờ xe. Tổng giá trị tài sản gia đình ông N bị chiếm đoạt là 16.630.000 đồng.

Khoảng 10 giờ 00 phút ngày 11/10/2019, tại nhà ông Huỳnh Quang C ở thôn TH, xã MCT, huyện PM, tỉnh BĐ, bị cáo Nguyễn Tấn T đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của vợ chồng ông C gồm: 62.300.000 đồng, 01 dây chuyền

màu vàng 24k trọng lượng 05 chỉ, 01 lách đeo tay vàng 24k trọng lượng 05 chỉ, 01 chiếc nhẫn tango vàng 18k trọng lượng 01 chỉ, 07 chiếc nhẫn vàng 24k, trọng lượng mỗi chiếc 02 chỉ, 01 chiếc nhẫn vàng 24k trọng lượng 01 chỉ. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo Nguyễn Tấn T đã chiếm đoạt của vợ chồng ông Huỳnh Quang C là 163.675.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản mà bị cáo Nguyễn Tấn T đã thực hiện 03 lần, chiếm đoạt của các bị hại là 190.555.000 đồng.

Bị cáo nhận thức được rằng tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi chiếm đoạt tài sản trái pháp luật đều bị trừng trị thích đáng. Bị cáo là người có đầy đủ sức lực để tự lao động nuôi sống bản thân, nhưng chỉ vì thích có tiền tiêu xài cá nhân mà không phải lao động nên bị cáo đã bất chấp pháp luật cố ý thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác

Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Tấn T đã đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015. Viện Kiểm sát nhân dân huyện PM, tỉnh BĐ truy tố bị cáo về tội Trộm cắp tài sản theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Tấn T không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự trị an xã hội, gây tâm lý lo lắng trong nhân dân. Do đó, cần xử phạt mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, nhằm phát huy được tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và góp phần răn đe, phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Sau khi phạm tội cha mẹ bị cáo đã bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại N và bị hại N đề nghị giảm nhẹ hình phạt. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Từ ngày 23/7/2019 đến ngày 11/10/2019, bị cáo Nguyễn Tấn T thực hiện 03 lần trộm cắp tài sản, mỗi lần đều có giá trị tài sản hơn 2.000.000 đồng, nên bị cáo phạm tội nhiều lần. Đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] Căn cứ vào tính chất, mức độ, hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thấy rằng: Cần cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo và đấu tranh phong ngừa chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có thu nhập ổn định, điều kiện kinh tế khó khăn, nên không áp dụng.

[7] Liên quan đến vụ án còn có: Ông Nguyễn Ngọc T3, bà Nguyễn Thị H2, anh Nguyễn Quang T4 có hành vi cầm cố, mua bán tài sản là xe mô tô của bị cáo T trộm cắp mà có. Nhưng ông T3, bà H2, anh T4 không biết tài sản này bị

cáo T do phạm tội mà có, nên không xem xét trách nhiệm hình sự đối với ông T3, bà H2, anh T4 là phù hợp. Anh Nguyễn Minh M là chủ sở hữu xe mô tô biển số kiểm soát 77T4-3824 mà bị cáo T sử dụng đi trộm cắp tài sản nhưng anh M không biết việc tài sử dụng xe để phạm tội, nên không xử lý trách nhiệm hình sự đối với anh M là phù hợp.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đỏ đen, biển số kiểm soát 77D1-205.72 và đăng ký xe. Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện PM đã trả lại cho chủ sở hữu là bà Nguyễn Thị T2 xong. Tại phiên tòa bà T2 không yêu cầu bồi thường thêm, nên không xét.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision màu trắng đen, biển số kiểm soát 77D1-540.47 và đăng ký xe; 01 điện thoại di động hiệu ViVo V1. Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện Phù Mỹ đã trả lại cho chủ sở hữu là ông Tăng Thành N xong và ông N đã nhận số tiền 4.000.000 đồng bồi thường từ cha mẹ bị cáo. Tại phiên tòa vợ chồng ông N, bà S không yêu cầu bồi thường thêm, nên không xét.

- Tài sản của vợ chồng ông Huỳnh Quang C và bà Nguyễn Thị D do bị cáo T chiếm đoạt gồm: Số tiền 62.300.000 đồng, 01 dây chuyền màu vàng 24k trọng lượng 05 chỉ, 01 lách đeo tay vàng 24k trọng lượng 05 chỉ, 01 chiếc nhẫn tango vàng 18k trọng lượng 01 chỉ, 07 chiếc nhẫn vàng 24k, trọng lượng mỗi chiếc 02 chỉ, 01 chiếc nhẫn vàng 24k trọng lượng 01 chỉ. Tổng cộng số tiền 62.300.000, 25 chỉ vàng 24k và 01 chỉ vàng 18k. Buộc bị cáo T phải bồi thường cho vợ chồng ông C, bà D số tiền 62.300.000, 25 chỉ vàng 24k và 01 chỉ vàng 18k là phù hợp.

- Bị cáo T cầm cố 03 chiếc xe mô tô cho hộ kinh doanh cá thể là ông Nguyễn Ngọc T3 đứng tên gồm: xe biển số kiểm soát 77D1-205.72 với số tiền 11.000.000 đồng; xe mô tô biển số kiểm soát 77D1-540.47 với số tiền 22.000.000 đồng; xe mô tô biển số kiểm soát 77D1-012.30 với số tiền 14.000.000 đồng. Các xe mô tô này Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện PM đã thu giữ và bị cáo T chưa bồi thường số tiền cầm cố, nên buộc bị cáo T có trách nhiệm bồi thường số tiền 47.000.000 đồng cho ông Nguyễn Ngọc T3 là phù hợp.

[9] Về các biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đen biển số kiểm soát 77D1-012.30, số máy C64-480544, số khung BY-480577 và đăng ký xe mang tên ông Võ Văn N nhưng ông Võ Văn N đã bán lại cho người khác và hiện nay thuộc quyền sở hữu của bị cáo T. Do đó, tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án dân sự;

- 01 cây xà beng bằng sắt thân tròn, phi 18, có các đường gân sóng nổi trên thân, dài 70cm, một đầu dẹp, một đầu uống cong, có rãnh ở đầu uống cong. Đây là công cụ bị cáo T dùng để phạm tội và là tài sản của ông C, nhưng ông C

không nhận lại mà đề nghị tiêu hủy. Do đó, tịch thu, tiêu hủy là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[10] Về đề nghị của Kiểm sát viên đối với vụ án: Về tội danh, điều luật áp dụng, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, mức hình phạt đều hoàn toàn phù hợp, nên được chấp nhận.

[11] Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Tấn T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tấn T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

1. Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn T 03 *(ba)* năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (ngày 30/3/2020).

2. Về bồi thường thiệt hại: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự và các Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự

Buộc bị cáo Nguyễn Tấn T phải bồi thường cho vợ chồng ông Huỳnh Quang C và bà Nguyễn Thị D 25 *(hai mươi lăm)* chỉ vàng 24k, 01 *(một)* chỉ vàng 18k và số tiền 62.300.000 đồng (*sáu mươi hai triệu ba trăm nghìn đồng chẵn)*.

Buộc bị cáo Nguyễn Tấn T phải bồi thường cho ông Nguyễn Ngọc T3 số tiền 47.000.000 đồng (*bốn mươi bảy triệu đồng chẵn)*.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015

3. Về các biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu, tiêu hủy: 01 *(một)* cây xà beng bằng sắt thân tròn, phi 18, có các đường gân sóng nổi trên thân, dài 70cm, một đầu dẹp, một đầu uống cong, có rãnh ở đầu uống cong;

Tiếp tục tạm giữ xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đen biển số kiểm soát 77D1-012.30, số máy C64-480544, số khung BY-480577 và đăng ký xe mang tên ông Võ Văn N.

(Theo Quyết định chuyển vật chứng số 13/QĐ-VKS ngày 23/6/20320 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phù Mỹ và Biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/6/2020 giữa Công an huyện Phù Mỹ và Chi cục thi hành án dân sự huyện Phù Mỹ)

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Tấn T phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm và 10.533.700 *đồng (mười triệu năm trăm ba mươi ba nghìn bảy trăm đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015.

Bị cáo, các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (có mặt) có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Nguyễn Ngọc T3, bà Nguyễn Thị H2 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND H.Phù Mỹ;
- Công an H.Phù Mỹ;
- Tòa án tỉnh;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- THADS H.Phù Mỹ;
- Lưu VP- HSVA;
- THA phạt tù.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Bá Tùng